

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO

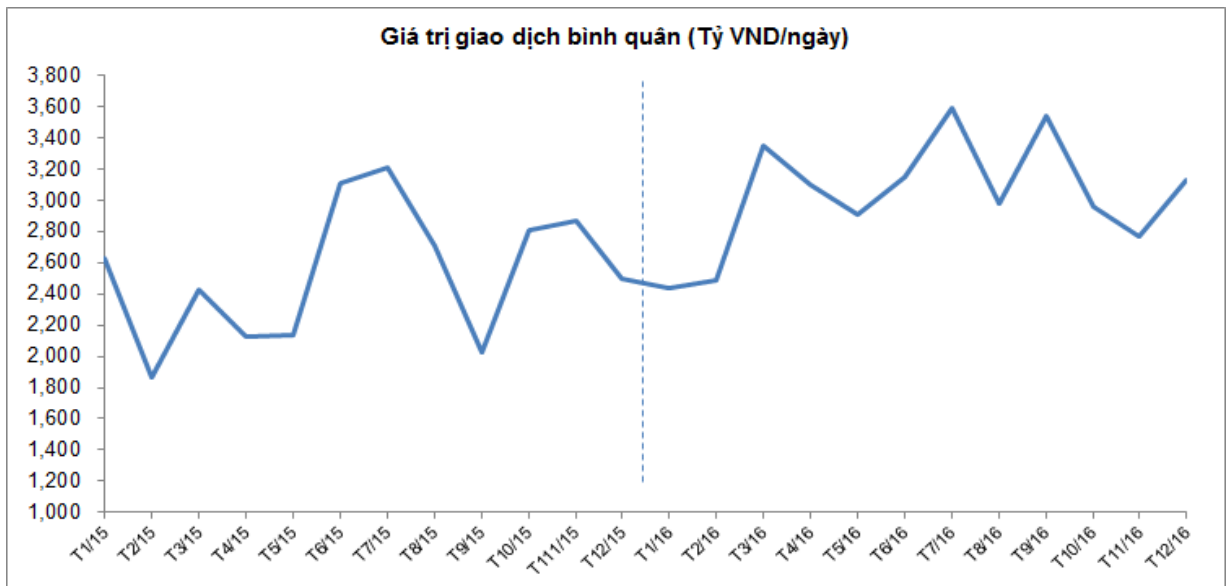
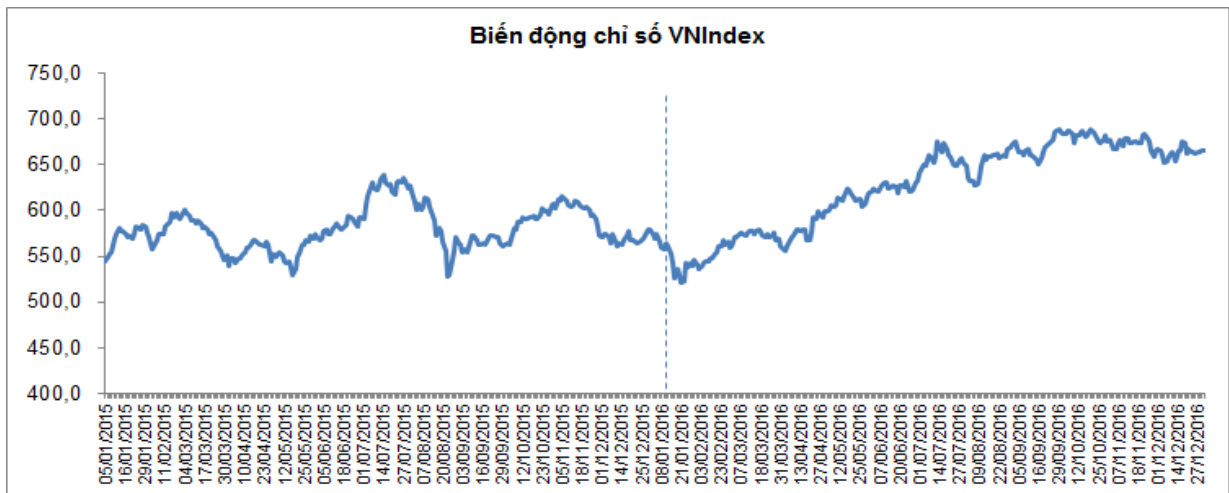
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2016

V/v Kết quả hoạt động Công ty năm 2016

A. TỔNG QUAN

1. Tổng quan thị trường

Thị trường chứng khoán năm 2016 đã có những dấu hiệu khởi sắc hơn so với năm 2015 thể hiện qua việc chỉ số VNIndex đã tăng 15% từ mức 579 điểm lên mức 665 điểm và giá trị giao dịch bình quân hàng ngày đạt 3.047 tỷ đồng, tăng 19% so với mức 2.570 tỷ đồng của năm 2015.



Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường tăng từ mức 2.450 tỷ đồng/ngày trong 2 tháng đầu năm và đạt mức trên 3.000 tỷ đồng/ngày trong phần lớn các tháng còn lại của năm 2016. Trong đó, giá trị giao dịch của khách hàng trong nước và nước ngoài cũng đã tăng lên lần lượt là 14% và 39% so với năm 2015.

Giá trị giao dịch trong nước tăng lên ảnh hưởng bởi một số yếu tố như:

- Tiến trình cổ phần hóa cũng như việc thoái vốn Nhà nước tại các Doanh nghiệp/Tổng công ty Nhà nước có vốn hóa lớn diễn ra khá sôi động, đặc biệt vào quý 4/2016;
- Giao dịch sôi động của nhóm các cổ phiếu ngành sữa, thép và các mã cổ phiếu giao dịch đột biến như: ROS, FLC, KBC, SBT;
- Giá trị giao dịch của Upcom năm 2016 đã tăng hơn 2 lần so với mức bình quân năm 2015 với một số cổ phiếu vốn hóa lớn và được nhà đầu tư trong nước giao dịch tích cực như: GEX, SWC. Ngoài ra, hàng loạt các công ty có vốn hóa lớn lên sàn giao dịch như: Sabeco, Habeco, Vissan, TCT Cảng hàng không Việt nam...đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, giá trị giao dịch của khách hàng nước ngoài cũng tăng 39% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 13,1% toàn thị trường (năm 2015 là 11,3%) với trạng thái giao dịch là bán ròng trong năm 2016. Giao dịch của khách hàng nước ngoài tăng mạnh do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính như:

- Giao dịch định kỳ để tái cơ cấu lại danh mục đầu tư của các quỹ ETF ngoại;
- Các giao dịch thỏa thuận với giá trị lớn liên quan đến việc chuyển nhượng qua lại trong nội bộ Phòng ngoại với nhau như VNM, VIC, MSN, FPT.

2. Hoạt động kinh doanh của HSC

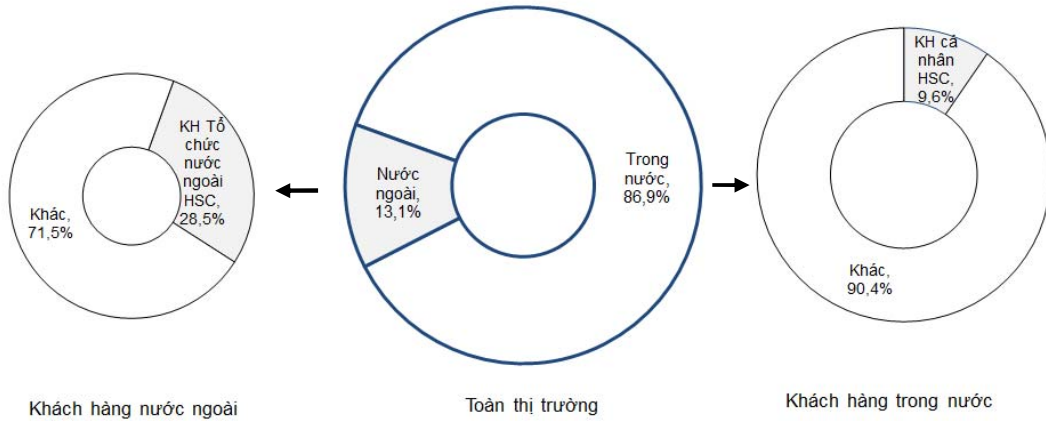
2.1. Thị phần môi giới

Thị phần môi giới của HSC năm 2016 đạt 11,2%, xếp vị trí thứ 2 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên toàn thị trường, chi tiết thể hiện trong bảng sau:

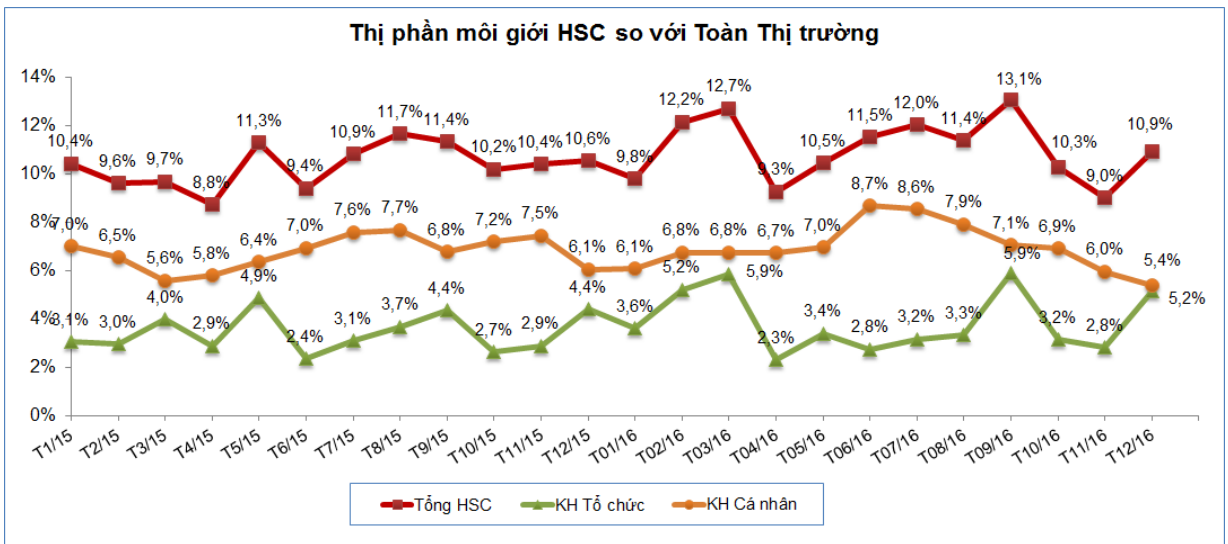
Thị phần môi giới HSC	Năm 2016	Xếp hạng 2016	Năm 2015	Xếp hạng 2015	Kế hoạch Năm 2016
Thống kê theo sàn giao dịch					
HOSE	12,5%	2	12,0%	2	
HNX	6,8%	4	6,1%	4	
Upcom	5,6%	8	3,2%	n/a	
Toàn thị trường	11,2%	2	10,4%	2	11,8%
Thống kê theo Phòng Kinh doanh					
Phòng Khách hàng Cá nhân /Toàn thị trường	7,1%		6,9%		8,0%
Phòng Khách hàng Tổ chức /Toàn thị trường	3,9%		3,4%		3,8%
Thống kê theo nhóm khách hàng					
Phòng KH Cá nhân/Tổng KH trong nước (*)	9,6%		8,9%		10,8%
Khách hàng Nước ngoài của Phòng KH Tổ chức/Tổng KH nước ngoài	28,5%		27,9%		28,0%

(*): Để không bị ảnh hưởng bởi giá trị giao dịch của khách hàng nước ngoài, thị phần của Phòng Khách hàng Cá nhân HSC được phân tích dựa trên tổng giá trị giao dịch của khách hàng trong nước và được trình bày xuyên suốt trong tờ trình này.

Thị phần môi giới trong năm 2016 theo loại khách hàng trên toàn thị trường thể hiện qua biểu đồ sau:

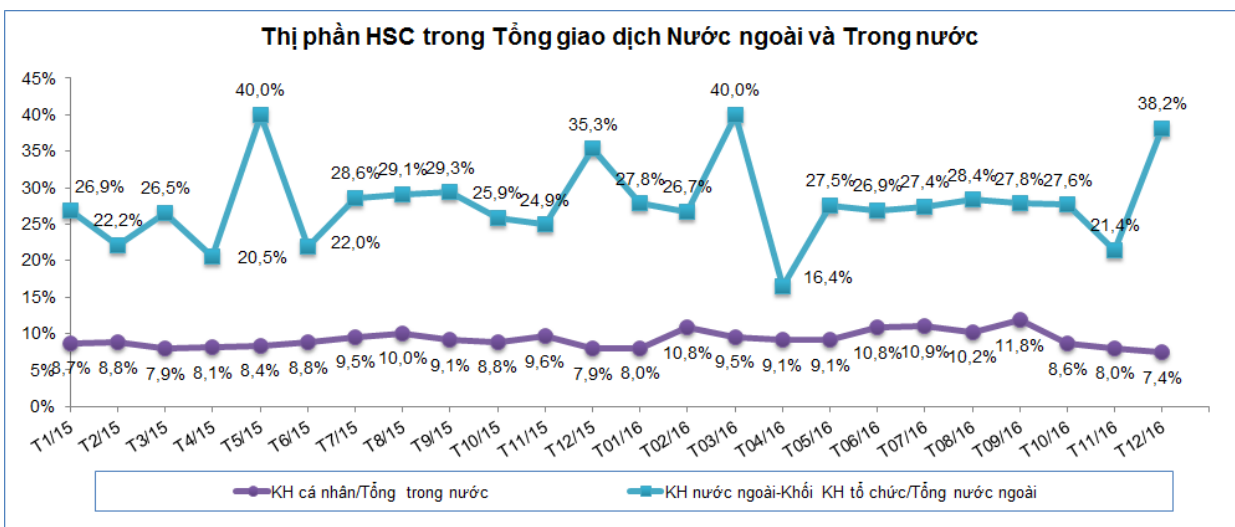


Xem xét thêm biến động thị phần của HSC trên toàn thị trường thể hiện trong biểu đồ sau:



Thị phần môi giới của HSC năm 2016 so với toàn thị trường đạt 11,2%, cao hơn so với thị phần năm 2015 ở mức 10,4% nhưng thấp hơn so với mức thị phần kế hoạch là 11,8%.

Biến động về thị phần Khách hàng Cá nhân HSC trên tổng giao dịch khách hàng trong nước và thị phần Khách hàng Tổ chức HSC trên tổng giao dịch khách hàng nước ngoài thể hiện trong biểu đồ sau:



Khách hàng Cá nhân duy trì mức thị phần khá ổn định trong 3 quý đầu năm 2016 nhưng có sự sụt giảm trong quý 4 năm 2016. Tính chung cả năm 2016, Khách hàng Cá nhân HSC đạt mức thị phần trung bình 9,6% giao dịch khách hàng trong nước, tốt hơn so với mức thị phần 8,9% trong năm 2015 nhưng chưa đạt mức thị phần 10,8% trong kế hoạch 2016. Một số mã chứng khoán giao dịch nhiều trên thị trường nhưng giao dịch không đáng kể qua HSC hoặc không đủ điều kiện để HSC cấp margin như: GEX, ROS, FLC, VIC là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến thị phần giao dịch trong nước của HSC trong năm 2016. Trong tổng giá trị giao dịch trong nước, cổ phiếu ROS+FLC chiếm 12% nhưng giá trị giao dịch qua HSC chỉ chiếm 0,25%, thống kê thể hiện qua bảng sau:

Thống kê giao dịch của khách hàng trong nước (Tỷ đồng)	Năm 2016	Năm 2015	Thay đổi
Giao dịch khách hàng trong nước toàn thị trường	564.449	493.510	14%
Thị phần Retail của HSC/Khách hàng trong nước	9,62%	8,86%	
Giá trị giao dịch cổ phiếu ROS+FLC	30.648	22.608	553%
Giá trị giao dịch không có ROS+FLC	533.801	470.902	14%
Thị phần Retail của HSC/Khách hàng trong nước (không có ROS+FLC)	10,18%	9,28%	

Khách hàng nước ngoài của Phòng Khách hàng Tổ chức HSC chiếm 28,5% trên tổng giao dịch của nước ngoài toàn thị trường, tương đương gần 1/3 thị phần khách hàng nước ngoài qua nhiều năm. Mức thị phần nước ngoài được duy trì ổn định quanh mức 28% trong quý 2, quý 3 và tăng mạnh vào tháng cuối năm 2016, tốt hơn so với mức 27,9% của năm 2015 và vượt hơn mức thị phần đề ra trong kế hoạch năm 2016. Thị phần nước ngoài của HSC đột biến trong tháng 3 với các giao dịch lớn của MSN; tháng 9 với các giao dịch lớn của FPT và VNM và tháng 12 với giao dịch của VNM và Sabeco.

2.2. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

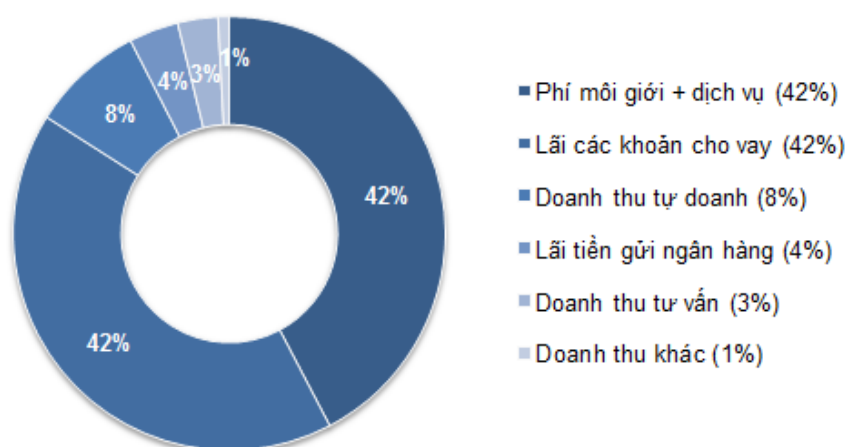
KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% KH 2016
Kết quả kinh doanh (Triệu đồng)					
Doanh thu	824.245	591.139	39%	734.593	112%
Tổng chi phí hoạt động	439.651	319.667	38%	358.236	123%
Lợi nhuận trước thuế	385.383	271.500	42%	376.357	102%
Lợi nhuận sau thuế	304.531	213.310	43%	301.086	101%
Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)					
Tổng tài sản (Không gồm tiền gửi NĐT)	3.616.842	3.103.574	17%	3.330.481	109%
Vốn chủ sở hữu	2.391.917	2.279.549	5%	2.468.163	97%
Các chỉ tiêu tài chính					
Thu nhập / tài sản trung bình (ROAA)	9,1%	6,6%		8,2%	
Thu nhập / vốn cổ phần trung bình (ROAE)	13,0%	9,2%		12,6%	
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.155.368	127.185.417		127.185.417	
Thu nhập trên 1 cổ phiếu EPS – VNĐ	2.395	1.598	50%	2.367	101%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu – VNĐ	18.811	17.923	5%	19.406	97%
% Chi phí hoạt động thông thường / Doanh thu phí	91%	105%		91%	

a. *Doanh thu*

Doanh thu năm 2016 đạt 824 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2015 và vượt 12% kế hoạch.

CHỈ TIÊU (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch năm 2016	% Kế hoạch 2016
Phí môi giới và dịch vụ	42%	348.957	262.076	33%	347.573	100%
Lãi margin + ứng trước	42%	343.657	222.636	54%	286.000	120%
Doanh thu tự doanh	8%	69.535	35.026	99%	35.373	197%
Lãi tiền gửi ngân hàng	4%	30.569	54.719	-44%	34.947	87%
Phí tư vấn	3%	24.602	11.155	121%	25.500	96%
Doanh thu khác	1%	6.926	5.527	25%	5.200	133%
Tổng doanh thu	100%	824.245	591.139	39%	734.593	112%

Cơ cấu doanh thu năm 2016



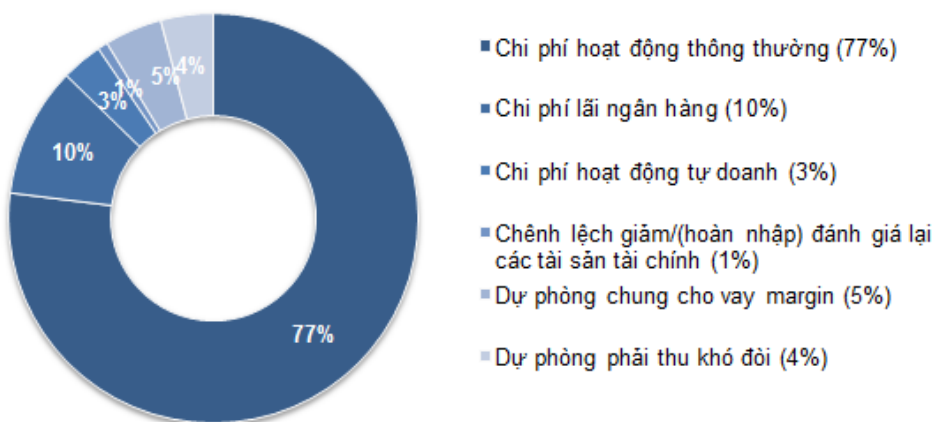
- Doanh thu phí môi giới đạt 349 tỷ đồng, chiếm 42% tổng doanh thu HSC và tăng 33% so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng doanh thu phí môi giới là do tổng giá trị giao dịch toàn thị trường tăng 19% và thị phần của HSC tăng lên mức 11,2% từ mức 10,4% trong năm 2015. Ngoài ra, phí môi giới cổ phiếu chưa niêm yết và giao dịch ngoài biên độ cũng góp phần vào doanh thu phí môi giới trong năm 2016 so với năm 2015;
- Cùng với sự gia tăng của giá trị giao dịch, hoạt động cho vay margin năm 2016 đạt hơn 343 tỷ đồng doanh thu trước chi phí lãi ngân hàng, chiếm 42% tổng doanh thu HSC, tăng 54% so với năm 2015 và vượt 20% kế hoạch năm 2016. Nếu xem xét doanh thu lãi cho vay sau chi phí lãi ngân hàng trong năm 2016 thì mức tăng là 39% so với năm 2015. Trong đó, tổng dư nợ margin trung bình toàn HSC tăng 57% lên mức 2.600 tỷ đồng từ mức 1.657 tỷ đồng trong năm 2015 và lãi suất cho vay margin giảm xuống mức trung bình 13,3%/năm từ mức 13,4%/năm trong năm 2015.
- Hoạt động tự doanh đạt 69 tỷ đồng doanh thu chủ yếu đến từ chênh lệch giá cổ phiếu (bao gồm cả lãi/(lỗ) đã thực hiện (realized) và chưa thực hiện (unrealized)) của danh mục đầu tư mới trong năm 2016. Hoạt động đầu tư trái phiếu gần như không giao dịch trong năm 2016. Vốn đầu tư trung bình của hoạt động đầu tư cổ phiếu trong năm 2016 đạt 118 tỷ đồng và tỷ suất sinh lời đạt 46%/năm. Mức sinh lời này cao hơn so với mức tăng 15% của VNIndex trong năm 2016 từ mức 579 điểm lên 665 điểm;
- Doanh thu phí tư vấn năm 2016 đạt 24,6 tỷ đồng chủ yếu đến từ các hợp đồng tư vấn của Phòng Tài chính Doanh nghiệp, phí tư vấn giới thiệu khách hàng và cung cấp dữ liệu nghiên cứu cho các khách hàng của Phòng Khách hàng Tổ chức;
- Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng năm 2016 đạt 31 tỷ đồng, đóng góp 4% tổng doanh thu của HSC và giảm 44% so với năm 2015;
- Doanh thu khác đến từ phí dịch vụ lưu ký và phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư.

b. Chi phí hoạt động

Tổng chi phí hoạt động năm 2016 đạt 440 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2015 và bằng 123% kế hoạch. Trong đó:

Chi phí hoạt động (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% KH 2016
Chi phí hoạt động thông thường	338.446	287.123	18%	340.235	99%
Chi phí lãi vay ngân hàng	45.252	7.390	512%	18.000	251%
Chi phí đầu tư chứng khoán	14.268	49.496	-71%	-	n/a
Chênh lệch giảm/(hoàn nhập) đánh giá lại các tài sản tài chính	3.497	(24.342)	n/a	-	n/a
Dự phòng phải thu khó đòi	18.191	-	n/a	-	n/a
Dự phòng chung cho vay margin	19.997	-	n/a	-	n/a
Tổng chi phí hoạt động	439.651	319.667	38%	358.235	123%

Cơ cấu chi phí năm 2016



- Chi phí hoạt động thông thường năm 2016 đạt 338 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2015 và đạt 99% kế hoạch. Trong đó, các khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn như: chi phí nhân sự, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí thuê văn phòng, chi phí liên quan đến IT;
- Chi phí lãi ngân hàng đạt 45 tỷ đồng, tăng hơn 5 lần so với năm 2015 và gấp 2,5 lần so với kế hoạch do nhu cầu bổ sung vốn lưu động cho hoạt động cho vay margin tăng lên từ các tháng cuối năm 2015. Số dư các khoản vay duy trì ở mức trung bình là 614 tỷ đồng trong năm 2016 so với năm 2015 là 118 tỷ đồng và kế hoạch năm 2016 ở mức 200 tỷ đồng;
- Chi phí đầu tư chứng khoán: là khoản lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) phát sinh theo thực tế từ hoạt động tự doanh trong năm 2016 và được ghi nhận theo Thông tư 95/2008/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn về hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán.
- Chênh lệch giảm/(hoàn nhập) đánh giá lại các tài sản tài chính là khoản trích lập dự phòng bổ sung trong năm 2016 cho một số mã chứng khoán OTC thuộc danh mục đầu tư cũ;
- Dự phòng phải thu khó đòi với giá trị 18,2 tỷ đồng (chi phí này không phát sinh trong năm 2015) liên quan đến hoạt động cho vay margin và được trích lập vào cuối tháng 9/2016;
- Trích lập chi phí dự phòng chung với mục đích phòng ngừa những rủi ro không lường trước được trong hoạt động margin với mức 0,75% số dư margin tương đương 20 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 304,5 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2015 và hoàn thành 101% kế hoạch năm 2016.

Doanh thu về phí (bao gồm phí môi giới, dịch vụ và phí tư vấn) đã bù đắp được tổng chi phí hoạt động thông thường (không bao gồm lãi ngân hàng và các khoản dự phòng) trong năm 2016 thể hiện qua chỉ số về chi phí hoạt động thông thường/doanh thu phí đạt 94% và tốt hơn so với mức 123% của năm 2015.

B. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016

I. KẾT QUẢ KINH DOANH THEO PHÒNG BAN

Kết quả kinh doanh năm 2016 được trình bày theo doanh thu và chi phí của từng Phòng ban kinh doanh. Trong đó:

- Doanh thu: được liệt kê theo các nguồn thu của từng Phòng kinh doanh
- Chi phí hoạt động của từng Phòng kinh doanh bao gồm:
 - ✓ Chi phí trực tiếp là các chi phí liên quan trực tiếp đến Phòng kinh doanh;
 - ✓ Chi phí gián tiếp là chi phí của các bộ phận hỗ trợ được phân bổ cho các Phòng kinh doanh.

1. Phòng Khách hàng Cá nhân

Phòng Khách hàng Cá nhân (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% kế hoạch 2016
Doanh thu	530.452	391.068	36%	508.242	104%
Phí môi giới	203.500	168.216	21%	225.264	90%
Lãi margin + ứng trước	319.945	218.065	47%	278.278	115%
Doanh thu khác	7.007	4.788	46%	4.700	149%
Chi phí hoạt động	272.655	195.595	39%	244.900	111%
Chi phí trực tiếp thông thường	166.891	147.277	13%	182.178	92%
Chi phí gián tiếp	45.491	41.081	11%	45.214	101%
Chi phí lãi vay ngân hàng	42.082	7.237	481%	17.509	240%
Dự phòng phải thu khó đòi	18.191	-	n/a	-	n/a
Lợi nhuận trước thuế	257.797	195.473	32%	263.342	98%
% Tổng doanh thu HSC	64%	66%		69%	
% Tổng lợi nhuận trước thuế HSC	67%	72%		70%	
% Tổng chi phí/Doanh thu	51%	50%		48%	

Phòng Khách hàng Cá nhân đóng góp lớn nhất vào kết quả hoạt động của HSC trong năm 2016 với 64% tổng doanh thu và 67% tổng lợi nhuận trước thuế.

1.1. Doanh thu

Nhận định tích cực về thanh khoản của thị trường từ giữa năm 2015, HSC đã mở rộng danh mục các mã chứng khoán nằm trong danh sách được phép cho vay margin của UBCK và tăng tỷ lệ cho vay đối với nhiều mã chứng khoán đang được các nhà đầu tư quan tâm và giao dịch tích cực trên thị trường. Điều này đã góp phần gia tăng giá trị giao dịch cũng như nhu cầu sử dụng margin trong giao dịch qua HSC.

Doanh thu Phòng Khách hàng Cá nhân năm 2016 đạt 530 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2015 và vượt 4% kế hoạch chủ yếu bao gồm phí môi giới, lãi margin và phí ứng trước tiền bán chứng khoán.

a. Phí môi giới

Doanh thu phí môi giới năm 2016 đạt 203 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2015 và hoàn thành 90% kế hoạch. Nguyên nhân chính là do:

- Giá trị giao dịch của Phòng Khách hàng Cá nhân tại HSC tăng 24%, trong đó:
 - o Giá trị giao dịch của khách hàng trong nước qua HSC tăng 14% so với năm 2015;
 - o Thị phần môi giới khách hàng cá nhân tại HSC trên tổng khách hàng trong nước tăng lên mức 9,6% từ mức 8,9% trong năm 2015, tương đương mức tăng là 9%.
- Tỷ lệ phí giao dịch trung bình giảm 3% so với năm 2015 do ảnh hưởng của chính sách thu phí của HSC với giá trị giao dịch càng lớn thì tỷ lệ phí càng giảm.

b. *Lãi margin và ứng trước tiền bán chứng khoán*

Doanh thu lãi margin và ứng trước tiền bán chứng khoán đạt 320 tỷ đồng và tăng 47% so với năm 2015 do ảnh hưởng bởi các yếu tố như:

- Số dư margin bình quân của Phòng Khách hàng Cá nhân năm 2016 đạt 2.432 tỷ đồng, tăng 51% so với mức 1.613 tỷ đồng của năm 2015.
- Lãi suất margin bình quân giảm xuống mức 13,2%/năm từ mức 13,5%/năm trong năm 2015 do ảnh hưởng giảm của lãi suất chung trên thị trường và sự cạnh tranh về lãi suất margin giữa các công ty cùng ngành;

Doanh thu margin và ứng trước tiền bán chứng khoán năm 2016 của Phòng Khách hàng Cá nhân vượt 15% kế hoạch chủ yếu do số dư margin bình quân thực tế cao hơn 14% so với kế hoạch năm 2016 ở mức 2.140 tỷ đồng.

c. *Doanh thu khác*

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm doanh thu phí lưu ký, phí từ dịch vụ phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư, phí chuyển nhượng chứng khoán và phí quản lý cổ đông.

1.2. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động của Phòng Khách hàng Cá nhân năm 2016 tăng 39% so với năm 2015 chủ yếu do:

- Chi phí trực tiếp thông thường (chiếm 61% chi phí hoạt động) tăng 13% so với năm 2015, trong đó:

Chi phí trực tiếp thông thường - Phòng Khách hàng Cá nhân (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi
Chi phí môi giới chứng khoán	32.289	26.187	23%
Chi phí hoa hồng môi giới	52.999	42.533	25%
Chi phí trực tiếp khác	81.603	78.557	4%
Tổng cộng	166.891	147.277	13%

- Chi phí môi giới trả cho các Sở Giao dịch và chi phí hoa hồng trả cho nhân viên môi giới tăng lên tương ứng với sự gia tăng giá trị giao dịch của Phòng Khách hàng Cá nhân;
- Chi phí lương và các chi phí nhân sự liên quan tăng lên do việc gia tăng số lượng nhân viên môi giới làm việc tại các PGD mới từ mức trung bình 213 người trong năm 2015 lên 239 người trong năm 2016;
- Chi phí gián tiếp tăng 11% chủ yếu do chi phí của các bộ phận hỗ trợ phân bổ cho Phòng Khách hàng Cá nhân tăng so với năm 2015. Cụ thể là các chi phí tư vấn pháp lý, chi phí nhân sự của phòng quản lý rủi ro cho vay margin (năm 2015 không phát sinh chi phí này).
- Chi phí lãi vay để tài trợ cho hoạt động margin tăng gần 5 lần cùng với dư nợ margin tăng 51% so với năm 2015 như đã đề cập ở trên;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi của hoạt động cho vay margin phát sinh trong năm 2016, không phát sinh chi phí này trong năm 2015;

2. Phòng Khách hàng Tổ chức

Phòng Khách hàng Tổ chức (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% kế hoạch 2016
Doanh thu	185.895	114.928	62%	144.531	129%
Phí môi giới CK niêm yết	135.416	93.038	46%	122.309	111%
Phí môi giới CP OTC	9.911	823	1105%	-	n/a
Doanh thu margin	23.529	4.572	415%	7.722	305%
Doanh thu sử dụng vốn	8.892	10.471	-15%	9.000	99%
Doanh thu khác	8.147	6.025	35%	5.500	148%
Chi phí hoạt động	94.429	67.730	39%	75.287	125%
Chi phí trực tiếp (không gồm lãi vay NH)	81.967	59.015	39%	65.844	124%
Chi phí gián tiếp	9.292	8.561	9%	8.952	104%
Chi phí lãi vay ngân hàng	3.170	153	1967%	491	645%
Lợi nhuận trước thuế	91.466	47.198	94%	69.245	132%
% Tổng doanh thu HSC	23%	19%		20%	
% Tổng lợi nhuận trước thuế HSC	24%	12%		18%	
% Chi phí hoạt động/Doanh thu	51%	59%		52%	

2.1. Doanh thu

Doanh thu của Phòng Khách hàng Tổ chức đạt 186 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2015 và vượt 29% kế hoạch. Phí môi giới và doanh thu margin là 2 nguồn thu chính và chiếm đến 86% tổng doanh thu Phòng Khách hàng Tổ chức năm 2016.

a. Phí môi giới cổ phiếu + trái phiếu niêm yết

Doanh thu phí môi giới đạt 135 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2015 và vượt 11% kế hoạch. Giá trị giao dịch của khách hàng thuộc phòng Khách hàng Tổ chức tăng 39% so với năm 2015 và đạt mức thị phần 28,5% tổng giao dịch nước ngoài toàn thị trường, cao hơn mức 27,9% trong năm 2015. Các nguồn thu phí chính gồm có:

- Nhóm khách hàng tổ chức thông thường (trong nước và nước ngoài) tạo ra 82 tỷ đồng doanh thu phí, tăng 37% so với năm 2015 chủ yếu do giá trị giao dịch của nhóm khách hàng này đã tăng 34% so với năm trước;
- Nhóm khách hàng do các tổ chức môi giới nước ngoài giới thiệu đến HSC đem lại gần 34 tỷ đồng doanh thu, tăng 73% so với năm 2015 do giá trị giao dịch của nhóm này tăng đến 86% thông qua các giao dịch mua/bán cổ phiếu niêm yết với giá trị lớn;
- Các giao dịch ngoài biên độ đóng góp 8,6 tỷ đồng doanh thu, tăng gấp 2 lần so với mức 4,2 tỷ đồng trong năm 2015;
- Doanh thu môi giới trái phiếu đóng góp 10,5 tỷ đồng doanh thu so với mức 9 tỷ đồng năm 2015.

b. Phí môi giới cổ phiếu OTC

Doanh thu môi giới cổ phiếu chưa niêm yết đạt 9,9 tỷ đồng từ giao dịch mua gom cổ phiếu cho khách hàng chủ yếu là cổ phiếu Sabeco thời điểm chưa niêm yết lên sàn. Năm 2015 không phát sinh giao dịch này.

c. Doanh thu margin

Doanh thu margin đã tăng gấp hơn 4 lần so với năm 2015 và đạt gần 23,5 tỷ đồng do sự gia tăng nhu cầu sử dụng margin của các khách hàng thuộc Phòng Khách hàng Tổ chức quản lý. Trong đó, số dư margin bình quân trong năm 2016 đạt 166 tỷ đồng (năm 2015: 44 tỷ) và lãi suất margin bình quân ở mức 14,1%/năm so với 10,4%/năm trong năm 2015.

d. *Doanh thu sử dụng vốn*

Hoạt động sử dụng vốn là các giao dịch mua gom cổ phiếu theo yêu cầu của khách hàng sau đó bán lại cho họ. Doanh thu sử dụng vốn đạt gần 8,9 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2015. Vốn sử dụng bình quân trong năm 2016 đạt 14 tỷ đồng, tương ứng với mức sinh lời 44%/năm.

Doanh thu năm 2015 đạt 10,4 tỷ đồng với vốn đầu tư bình quân trong năm 2015 đạt 37 tỷ đồng và đem lại mức sinh lời là 26%/năm.

e. *Doanh thu khác*

Doanh thu khác chủ yếu là dịch vụ cung cấp dữ liệu phân tích cho khách hàng tổ chức.

2.2. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động Phòng Khách hàng Tổ chức năm 2016 tăng 39% so với năm 2015 chủ yếu do chi phí trực tiếp (chiếm 87% tổng chi phí) tăng với mức tương ứng là 39% so với năm 2015.

- Chi phí trực tiếp Phòng Khách hàng Tổ chức chủ yếu bao gồm:

Chi phí trực tiếp Phòng Khách hàng Tổ chức (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi
Chi phí môi giới chứng khoán	22.611	16.008	41%
Chi phí hoa hồng môi giới	25.941	11.956	117%
Chi phí trực tiếp khác	31.566	30.034	5%
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.844	1.017	82%
TỔNG CỘNG	81.967	59.015	39%

- Chi phí môi giới chứng khoán tăng 41% tương ứng với sự gia tăng giá trị giao dịch của Phòng Khách hàng Tổ chức tại HSC;
 - Chi phí hoa hồng môi giới (chi phí giới thiệu khách hàng) tăng lên do giá trị giao dịch thông qua tổ chức môi giới trung gian đã gia tăng và chi phí hoa hồng cho các giao dịch mua gom cổ phiếu OTC như trình bày ở phần trên;
 - Chi phí trực tiếp khác tăng lên chủ yếu do tăng chi phí nhân sự so với năm 2015.
- Chi phí hoạt động gián tiếp năm 2016 tăng 9% so với năm 2015 chủ yếu do tăng chi phí phân bổ từ các phòng ban hỗ trợ cho hoạt động của Phòng khách hàng tổ chức như Phòng quản lý margin, Phòng Quản lý rủi ro;
 - Chi phí lãi ngân hàng năm 2016 (tương tự như Phòng Khách hàng Cá nhân) phát sinh tương ứng với doanh thu margin của Phòng Khách hàng Tổ chức.

3. Phòng Tài chính Doanh nghiệp

Phòng Tài chính Doanh nghiệp (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% kế hoạch 2016
Doanh thu	16.279	6.093	167%	30.080	54%
Phí tư vấn	16.279	5.733	184%	20.000	81%
Hoạt động sử dụng vốn	-	360	-100%	10.080	N/a
Chi phí hoạt động	14.248	10.211	40%	13.340	107%
Chi phí trực tiếp	9.165	5.355	71%	8.724	105%
Chi phí gián tiếp	5.083	4.856	5%	4.616	110%
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	2.032	(4.118)	n/a	16.740	12%
% Tổng doanh thu HSC	2%	1%		4%	
% Tổng lợi nhuận trước thuế HSC	1%	n/a		4%	
% Chi phí hoạt động/Doanh thu	88%	168%		44%	

3.1. Doanh thu

Doanh thu Phòng Tài chính Doanh nghiệp năm 2016 đạt 16 tỷ đồng hoàn toàn từ phí dịch vụ tư vấn cho khách hàng, tăng 167% so với năm 2015 và hoàn thành 54% kế hoạch;

Doanh thu năm 2016 đến từ phí dịch vụ tư vấn cho các khách hàng như: HD Saison, CTI, Con Cưng, Nam Long, Siam Brothers, Dong A Socio, KIDO, Saigon Coop và Digiworld;

Trong năm 2016, Phòng Tài chính Doanh nghiệp không phát sinh doanh thu sử dụng vốn (Doanh thu sử dụng vốn năm 2015 chủ yếu là khoản chênh lệch giá từ giao dịch tư vấn tái cấu trúc và huy động vốn cho một khách hàng tổ chức).

3.2. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động của Phòng Tài chính Doanh nghiệp năm 2016 tăng 40% chủ yếu do tăng nhân sự cao cấp từ đầu năm 2016 do việc cơ cấu lại hoạt động của phòng ban này trong khi các chi phí khác biến động không đáng kể so với năm 2015.

4. Phòng Tụ doanh

Phòng Tụ doanh (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% kế hoạch 2016
Doanh thu	60.304	21.525	180%	16.293	370%
Danh mục OTC	1.050	462	127%	845	124%
Cổ phiếu niêm yết	53.362	21.062	153%	12.448	429%
Chứng chỉ quỹ ETF	5.892	0	n/a	3.000	196%
Chi phí hoạt động	20.765	29.915	-31%	5.102	407%
Chi phí trực tiếp	19.280	28.393	-32%	3.587	537%
Chi phí gián tiếp	1.485	1.521	-2%	1.514	98%
Lợi nhuận trước thuế	39.539	(8.390)	n/a	11.192	353%
% Tổng doanh thu HSC	7%	4%		2%	
% Tổng lợi nhuận trước thuế HSC	10%	N/A		3%	
% Chi phí hoạt động/Doanh thu	34%	139%		31%	

4.1. Doanh thu

Doanh thu của Phòng Tụ doanh năm 2016 đạt 60 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với mức 21,5 tỷ đồng của năm 2015 chủ yếu do có khoản lợi nhuận từ danh mục cổ phiếu niêm yết và chứng chỉ quỹ ETF.

Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán. Do vậy, việc tính mức sinh lợi của hoạt động tụ doanh được xác định trên số thuần (lãi hoặc lỗ) của doanh thu và chi phí hoạt động đầu tư.

Doanh thu tụ doanh năm 2016 đến từ các danh mục đầu tư như:

a. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)

Đây là danh mục các cổ phiếu còn lại từ các năm trước và doanh thu đến từ cổ tức với giá trị 1 tỷ đồng.

b. Danh mục cổ phiếu niêm yết

Đánh giá lựa chọn cổ phiếu đầu tư và các yếu tố thuận lợi của thị trường trong năm 2016, doanh thu từ danh mục cổ phiếu niêm yết đạt 53 tỷ đồng với vốn đầu tư bình quân là 84 tỷ đồng và đạt mức sinh lời 52%/năm (năm 2015: vốn bình quân 74 tỷ đồng và mức lỗ 5%/năm). Các cổ phiếu chủ yếu giao dịch nằm trong rổ cổ phiếu VN30 như: MWG, VNM, HSG, HPG...

c. Danh mục chứng chỉ quỹ ETF

Trong các giao dịch liên quan đến chứng chỉ quỹ ETF, HSC vừa là nhà tạo lập thị trường cũng vừa là nhà đầu tư. Doanh thu từ danh mục ETF trong năm 2016 đạt 5,9 tỷ đồng với vốn sử dụng bình quân là 20 tỷ đồng và mức sinh lời 21%/năm (Năm 2015: vốn sử dụng bình quân 22 tỷ đồng và mức lỗ 15%/năm).

4.2. Chi phí hoạt động

Tổng chi phí hoạt động của Phòng Tự doanh năm 2016 giảm 31% so với năm 2015 chủ yếu do:

- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (khoản lỗ do giá bán thấp hơn giá gốc) giảm 77%, làm chi phí hoạt động giảm 133%;
- Việc đánh giá lại giá trị hợp lý của danh mục cổ phiếu OTC trong năm 2016 làm chi phí hoạt động tăng thêm 5 tỷ đồng.

5. Phòng Quản lý vốn

Phòng Quản lý vốn (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% kế hoạch 2016
Doanh thu	31.314	57.525	-46%	35.447	88%
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.569	54.719	-44%	34.947	87%
Đầu tư trái phiếu	139	2.670	-95%	-	n/a
Doanh thu khác	607	136	345%	500	121%
Chi phí hoạt động	4.775	4.216	13%	4.177	114%
Chi phí trực tiếp	3.363	2.879	17%	2.825	119%
Chi phí gián tiếp	1.411	1.337	6%	1.352	104%
Lợi nhuận trước thuế	26.540	53.309	-50%	31.269	85%
% Tổng doanh thu HSC	4%	10%		5%	
% Tổng lợi nhuận trước thuế HSC	7%	20%		8%	
% Chi phí hoạt động/Doanh thu	15%	7%		12%	

5.1. Doanh thu

a. Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng đạt 30,5 tỷ đồng và giảm 44% so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do số dư tiền gửi bình quân giảm từ 1.200 tỷ đồng trong năm 2015 xuống mức 640 tỷ đồng năm 2016 mặc dù lãi suất tiền gửi trung bình đã tăng lên mức 5,45%/năm từ mức 4,97%/năm trong năm 2015.

b. Đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư vào trái phiếu chưa thuận lợi do lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn từ 1 đến 5 năm vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp (dưới 6%/năm), biến động không đáng kể so với năm 2015. Do đó, Phòng Quản lý vốn không đầu tư trái phiếu theo như kế hoạch năm 2016. Doanh thu có được là do hoạt động ứng vốn mua trái phiếu và bán lại cho khách hàng.

c. Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu là phí đấu thầu trái phiếu thực hiện năm 2016 với tổng giá trị đấu thầu thành công trái phiếu chính phủ cho khách hàng đạt 8.223 tỷ đồng (Năm 2015 là 6.085 tỷ đồng).

5.2. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động Phòng Quản lý vốn năm 2016 tăng chủ yếu do phát sinh chi phí môi giới trả Sở giao dịch Chứng khoán cho hoạt động mua bán trái phiếu như đã đề cập ở trên (Năm 2015 không phát sinh chi phí này).

II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí hoạt động của từng Phòng kinh doanh đã được trình bày ở các phần trên. Tuy nhiên, các khoản mục chi phí chính trong tổng chi phí hoạt động của HSC sẽ được phân tích thêm như sau:

Chi phí hoạt động (triệu đồng)	Tỷ trọng	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% Kế hoạch 2016
Lương và chi phí nhân sự liên quan	50%	167.553	141.925	18%	166.581	101%
Chi phí môi giới chứng khoán	18%	61.074	44.444	37%	54.624	112%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16%	55.769	48.149	16%	54.933	102%
Chi phí liên quan công nghệ thông tin	4%	14.742	14.811	0%	18.566	79%
Chi phí thuê văn phòng	6%	20.608	20.079	3%	21.255	97%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2%	5.921	5.507	8%	9.399	63%
Chi phí khác	4%	12.778	12.208	5%	14.878	109%
Chi phí hoạt động thông thường	100%	338.446	287.123	18%	340.235	99%
Chi phí lãi vay ngân hàng		45.252	7.390	512%	18.000	251%
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán		14.268	49.496	-71%	-	n/a
Chênh lệch giảm/(hoàn nhập) đánh giá lại các tài sản tài chính		3.497	(24.342)	n/a	-	n/a
Dự phòng phải thu khó đòi		18.191	-	n/a	-	n/a
Dự phòng chung cho vay margin		19.997	-	n/a	-	n/a
Tổng chi phí hoạt động		439.651	319.667	38%	358.235	123%
% Chi phí hoạt động / Tổng doanh thu		53%	54%		49%	

Tổng chi phí hoạt động năm 2016 đạt 440 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2015. Nếu loại trừ ảnh hưởng của chi phí lãi vay ngân hàng, chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán và các khoản dự phòng, chi phí hoạt động thông thường năm 2016 chỉ tăng 18% so với năm 2015.

Một số khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn hoặc có biến động đáng kể so với năm 2015 như sau:

1. Lương và chi phí nhân sự liên quan

Chi phí lương và chi phí nhân sự liên quan chiếm 50% trong tổng chi phí và tăng 18% so với năm 2015, chủ yếu là do:

- Tăng số lượng nhân viên môi giới chính thức tại các PGD từ 213 năm 2015 lên 239 người trong năm 2016 làm chi phí nhân sự tăng 4%;
- Chi phí hoa hồng trả cho nhân viên môi giới tăng do ảnh hưởng bởi gia tăng giá trị giao dịch tại HSC, làm chi phí nhân sự tăng 10%;
- Tăng chi phí nhân sự của các phòng như: Phòng Tài chính Doanh nghiệp, Phòng Khách hàng Tổ chức, Phòng Truyền thông và Phòng Kiểm toán nội bộ làm chi phí nhân sự tăng 4%.

2. Chi phí môi giới chứng khoán

Chi phí môi giới chứng khoán trả cho các Sở giao dịch chiếm 17% tổng chi phí hoạt động và tăng 37% so với năm 2015 tương ứng với sự gia tăng của giá trị giao dịch tại HSC năm 2016.

3. Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu bao gồm: chi phí hoa hồng môi giới, chi phí kiểm toán độc lập, chi phí kiểm toán nội bộ, chi phí kiểm đếm tiền của các ngân hàng tại các phòng giao dịch, chi phí thuê xe, gửi xe, chi phí bảo vệ, chi phí vệ sinh văn phòng, chi phí in ấn.

Chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm 16% tổng chi phí hoạt động và tăng 16% so với năm 2015 chủ yếu do tăng chi phí hoa hồng trả cho môi giới bên ngoài giới thiệu khách hàng về cho HSC.

4. Chi phí liên quan đến công nghệ thông tin

Chủ yếu bao gồm các chi phí hoạt động liên quan đến công nghệ thông tin như: chi phí kết nối đường truyền, chi phí internet, chi phí thông tin cho hệ thống giao dịch, chi phí cung cấp thông tin từ các Sở giao dịch, chi phí bảo trì phần mềm và các thiết bị IT khác. Các chi phí này duy trì ở mức tương đương với năm 2015.

5. Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng tăng 3% so với năm 2015 chủ yếu do việc chuyển Phòng giao dịch Kim Liên sang địa điểm mới (tòa nhà VCCI) từ cuối năm 2015. Ngoài ra, các hợp đồng thuê hiện tại là các hợp đồng dài hạn đã có thoả thuận giá ổn định từ trước nên chi phí thuê không biến động so với năm 2015.

6. Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2016 tăng 8% so với năm 2015 chủ yếu là do chi phí khấu hao của các tài sản công nghệ thông tin (chiếm đến 92% tổng chi phí khấu hao) tăng 9% giữa 2 năm;

Các tài sản công nghệ thông tin đầu tư mới trong nửa cuối năm 2015 làm chi phí khấu hao trong năm 2016 tăng so với cùng kỳ năm 2015, cụ thể như: phần mềm quản trị quan hệ khách hàng (CRM), các server mới và hệ thống thiết bị lưu trữ dữ liệu;

Chi phí khấu hao năm 2016 chỉ đạt 63% kế hoạch do một số khoản đầu tư không được triển khai theo như kế hoạch nên không phát sinh thêm chi phí khấu hao.

Chi tiết khấu hao các tài sản liên quan đến IT được trình bày trong bảng sau:

Chi phí khấu hao (Triệu đồng)	Năm 2016	Năm 2015	% thay đổi	Kế hoạch 2016	% Kế hoạch 2016
Tài sản hiện có	5.126	4.957	3%	3.915	131%
Tài sản đầu tư mới theo kế hoạch	292	-		5.031	6%
Nền tảng cơ sở cho HT kinh doanh sản phẩm phái sinh (Derivatives Trading Platform)	-	-		1.500	0%
Triển khai Kế hoạch dự phòng sau thảm họa (DRP implementation)	-	-		1.500	0%
Nền tảng cơ sở cho HT quản trị quy trình Doanh nghiệp (BPM platform)	-	-		667	0%
Nền tảng cơ sở cho dự án doanh nghiệp thông minh (Business Intelligence platform)	-	-		667	0%
Phần mềm nhân sự HRIS	-	-		197	0%
Đầu tư cơ sở hạ tầng (servers mới)	292			500	58%
Tổng chi phí khấu hao liên quan đến IT	5.418	4.957	9%	8.945	61%

7. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay năm 2016 đã tăng hơn 5 lần so với năm 2015 do dư nợ vay ngắn hạn đã tăng lên nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động khi thị trường giao dịch sôi động trở lại trong năm 2016.

8. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

Đây là khoản lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) phát sinh theo thực tế từ hoạt động tự doanh trong năm 2016 và được ghi nhận theo Thông tư 95/2008/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn về hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán.

Khoản lỗ này trong năm 2016 đã giảm đáng kể so với năm 2015 phản ánh hiệu quả của hoạt động tự doanh bên cạnh các khoản lãi (giá bán cao hơn giá gốc) được ghi nhận vào doanh thu tự doanh như đã trình bày ở phần đầu của báo cáo này.

9. Chênh lệch giảm/(hoàn nhập) đánh giá lại các tài sản tài chính

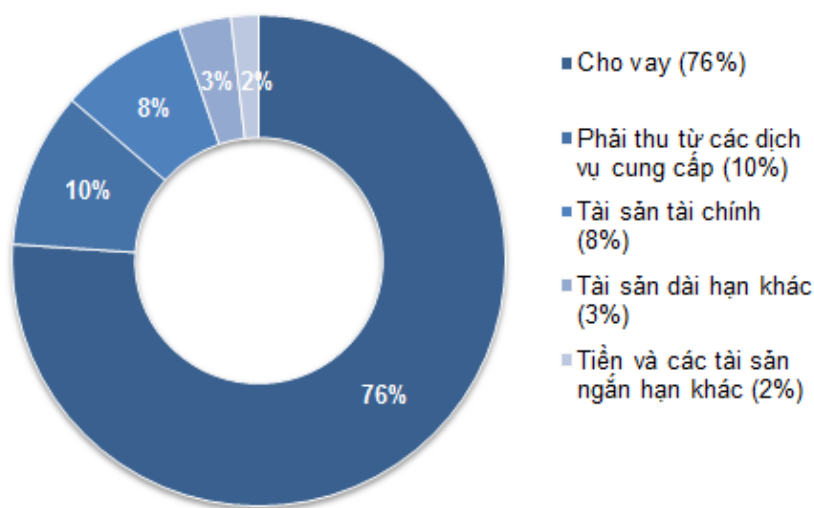
Đây là khoản đánh giá lại theo giá trị hợp lý năm 2016 cho một số cổ phiếu thuộc danh mục cổ phiếu OTC như đã được đề cập ở phần chi phí hoạt động của Phòng Tự doanh.

10. Dự phòng phải thu khó đòi
Dự phòng phải thu khó đòi liên quan đến hoạt động cho vay margin như đã đề cập ở phần trên;
11. Chi phí dự phòng chung cho vay margin
Ngoài dự phòng phải thu khó đòi cụ thể cho từng khách hàng, mức dự phòng chung cho khoản vay margin được trích lập ở mức 0,75% trên số dư margin tại thời điểm cuối năm 2016.
12. Chi phí khác
Các chi phí khác của năm 2016 không được đề cập do chiếm tỷ trọng nhỏ hoặc có sự biến động không đáng kể so với năm 2015 và phù hợp với sự thực tế phát sinh tại Công ty.

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Tại 31 tháng 12 năm 2016	Trung bình 2016	Tại 31 tháng 12 năm 2015	% thay đổi
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	96%	3.472.717	3.031.710	2.970.428	17%
I. Tài sản tài chính	96%	3.468.203	3.027.044	2.965.610	17%
1. Tiền	2%	60.194	107.728	164.147	-70%
2. Tài sản tài chính	8%	306.372	180.105	132.175	132%
3. Cho vay Margin	76%	2.750.945	2.680.275	2.609.605	10%
4. Trả trước người bán		425	-	512	10%
5. Phải thu từ các dịch vụ cung cấp	10%	370.008	53.198	57.145	-15%
6. Phải thu khác		35.168	53.198	18.745	88%
7. Dự phòng phải thu		(54.908)	(21.219)	(16.719)	228%
II. Tài sản ngắn hạn khác		4.514	4.666	4.818	-6%
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	4%	144.125	138.636	133.146	8%
I. Tài sản cố định		9.116	9.711	10.306	-12%
II. Đầu tư xây dựng dở dang		11.158	6.483	1.807	517%
III. Tài sản dài hạn khác	3%	123.851	122.442	121.033	2%
TỔNG TÀI SẢN		3.616.842	3.170.345	3.103.574	17%
NGUỒN VỐN					
A. NỢ PHẢI TRẢ	34%	1.224.925	834.612	824.025	49%
I. Nợ ngắn hạn		1.224.925	834.612	824.025	49%
Tiền vay ngắn hạn	28%	1.000.000	613.781	654.103	53%
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	66%	2.391.917	2.335.733	2.279.549	5%
I. Vốn chủ sở hữu		2.391.917	2.335.733	2.279.549	5%
TỔNG NGUỒN VỐN		3.616.842	3.170.345	3.103.574	17%

Cơ cấu tài sản tại 31/12/2016



Cơ cấu tài sản tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

- Dự nợ cho vay chiếm 76% tổng tài sản chủ yếu là số dư khoản cho vay margin.
- Khoản phải thu từ các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp chiếm 10% chủ yếu là khoản phải thu tiền bán chờ về từ Trung tâm lưu ký.
- Khoản mục Tài sản tài chính chủ yếu bao gồm danh mục cổ phiếu niêm yết chiếm 8% tổng tài sản vào cuối năm 2016.

- Tài sản dài hạn khác chủ yếu là tiền thuê văn phòng tại tòa nhà AB trả trước cho thời hạn còn lại là 34 năm;
- Số dư tiền chiếm 2% trong tổng tài sản cuối năm 2016.

Các chỉ số hoạt động chính của HSC năm 2016

Các chỉ số chính	Năm 2016	Năm 2015
<u>Chỉ số hoạt động</u>		
Chỉ số thanh toán nhanh	2,8	3,6
Vòng quay tài sản ngắn hạn	0,3	0,2
Vòng quay tổng tài sản	0,2	0,2
<u>Đòn bẩy hoạt động</u>		
Nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu	0,5	0,4
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,3	0,3
<u>Chỉ số lợi nhuận</u>		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế	36,9%	36,1%
ROAE	13,0%	9,2%

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, kính trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua.



JOHAN NYVENE
TỔNG GIÁM ĐỐC